

KINH NGHIỆM CỦA VIỆT NAM TRONG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN HỢP TÁC TIỂU VÙNG SÔNG MEKONG VÀ VẬN DỤNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

NGUYỄN DUY DŨNG*

Tóm tắt: Hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) là sáng kiến hợp tác giữa các nước thuộc lưu vực sông Mekong do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) khởi xướng từ năm 1992 và Việt Nam là một trong 5 thành viên ban đầu (Campuchia, Myanmar, Lào, Thái Lan và Việt Nam). Từ năm 2004, Tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc bắt đầu tham gia vào Chương trình hợp tác này. Dù thời gian chưa dài, song hơn 30 năm qua, Hợp tác GMS đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng cho sự phát triển của cả khu vực cũng như mỗi nước thành viên. Việt Nam là một trong những thành viên tích cực nhất, có vai trò quan trọng trong việc hình thành, phát triển Tiểu vùng Mekong. Bài viết phân tích và làm rõ những kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình tham gia và thúc đẩy sự hợp tác phát triển của GMS.

Từ khóa: thúc đẩy phát triển, hợp tác, Việt Nam, Tiểu vùng Mekong.

1. Tích cực tham gia ngay từ đầu vào việc hình thành, phát triển GMS cả bình diện chung cũng như từng lĩnh vực cụ thể.

Từ đầu những năm 1990, sự ổn định của môi trường chính trị, an ninh, kinh tế - xã hội của khu vực đã là cơ hội thuận lợi để thúc đẩy hợp tác khu vực và sự ra đời của Tiểu vùng Mekong. Việt Nam không chỉ là thành viên ngay từ đầu mà còn là một quốc gia tích cực tham gia vào các cơ chế, kế

hoạch, các dự án... trong quá trình hình thành, phát triển của GMS. Tính đa dạng và sự đan xen các cơ chế hợp tác cũng là đặc điểm nổi trội trong quá trình hình thành và phát triển của GMS. Đó là các cơ chế hợp tác giữa các nước Tiểu vùng mà Việt Nam tham gia hầu hết⁽¹⁾ với tư cách là thành viên chính thức, là đối tác tin cậy... Việt Nam không chỉ tham gia vào tất cả các cơ chế của GMS, hợp tác với các nước lớn mà còn là thành viên tích cực

* PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

trong các lĩnh vực trọng tâm: Giao thông vận tải, Năng lượng, Môi trường, Du lịch, Bưu chính viễn thông, Thương mại, Đầu tư, Phát triển nguồn nhân lực, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quản lý nguồn nước. Với 10 lĩnh vực quan trọng này, Việt Nam đã biết tận dụng cơ hội, tranh thủ các nguồn vốn để xây dựng và cải thiện hạ tầng (nhất là giao thông vận tải), tăng cường trao đổi thương mại và mở rộng hợp tác đầu tư. Sự tham gia tích cực của Việt Nam có thể nhận thấy rất rõ ở 3 lĩnh vực chủ yếu trong hợp tác GMS, đó là:

- Hoạt động hợp tác về giao thông, chủ yếu thông qua Hiệp định Vận tải Xuyên biên giới (The Cross-Border Transport Agreement - CBTA). Hiệp định này được ký kết vào ngày 26/11/1999 với sự tham gia của Lào, Thái Lan và Việt Nam. Sau đó, Campuchia, Trung Quốc và Myanmar lần lượt tham gia vào năm 2001, 2002 và 2003. Hiệp định này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo thuận lợi cho vận tải hàng hóa và con người qua khu vực biên giới. Theo đó, CBTA đưa ra khuôn khổ hợp lý để quản lý giao thông vận tải xuyên biên giới và giảm các rào cản phi vật chất tại khu vực GMS này. Trong tầm nhìn dài hạn của Chiến lược giao thông 2030 (TrSS 2030), các mũi nhọn chiến lược trong phát triển giao thông GMS bao gồm: (i) Hoàn thành mạng lưới giao thông và cải thiện liên kết với Khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Việc các tuyến đường kết nối theo định dạng ban đầu của Hành lang Kinh tế Đông - Tây (EWTEC), Hành lang Kinh tế Bắc - Nam (NSEC) và Hành lang Kinh tế phía Nam (SEC) hầu hết đã hoàn thành. Do vậy, GMS sẽ tập trung bảo dưỡng, nâng

cấp và hoàn thiện phần còn lại và sẽ tập trung kết nối với Nam Á cần thiết có một tiểu hành lang mới của NSEC. (ii) Tạo thuận lợi cho vận chuyển xuyên biên giới bao gồm việc tăng tốc và tăng cường triển khai CBTA và ưu tiên trước mắt là Chương trình Thu hoạch sớm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển. (iii) Tăng cường kết nối vận chuyển liên phương thức (cải thiện kết nối giữa cảng - đường bộ, đường sắt), thúc đẩy cạnh tranh giữa các phương thức vận chuyển. (iv) Thúc đẩy phát triển dịch vụ hậu cần bằng cách khuyến khích đầu tư vào các công trình: Trung tâm hậu cần, kho bãi container, cảng thông quan, cảng cạn nội địa, kho lạnh, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác với khu vực tư nhân. (v) Cải thiện quản lý tài sản đường bộ với việc bảo trì thường xuyên mạng lưới giao thông, triển khai hệ thống kiểm soát; và (vi) Tăng cường an toàn giao thông đường bộ. Theo đó, thiết lập, tăng cường và triển khai năng lực quản lý an toàn giao thông cũng như dữ liệu về hiệu quả và các giải pháp đảm bảo⁽²⁾. Việt Nam là mắt xích quan trọng trong các hành lang giao thông GMS và là cửa ngõ cho các tuyến hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây ven biển phía Nam, có vai trò trọng yếu trong việc thực hiện “Chiến lược Năng lực cạnh tranh, Liên kết và Cộng đồng” (Chiến lược 3Cs) của GMS.

- Trong lĩnh vực thương mại: GMS đặt ra yêu cầu cao về trao đổi thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể thông qua việc loại bỏ hoặc giảm các rào cản phi vật thể; tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của con người, hàng hóa, dịch vụ và vốn qua biên giới; và phát triển

hệ thống logistic hiệu quả. Trong khuôn khổ Hiệp định tạo thuận lợi vận chuyển người và hàng hóa qua biên giới (Hiệp định GMS) ký năm 1999, đến nay, các nước GMS đã ký tất cả các Nghị định thư (3 nghị định thư) và các Phụ lục Hiệp định GMS. Mặc dù các quy định của Hiệp định GMS chưa có hiệu lực, song trên thực tế để đáp ứng yêu cầu liên kết và hội nhập kinh tế, các nước GMS đã bước đầu thực hiện thí điểm những quy định của Hiệp định GMS về kiểm tra hải quan tại một số cặp cửa khẩu dọc hành lang EWEC là Mukdahan - Savanakheth và Dansavan - Lao Bảo. Một phần của các mục tiêu chiến lược của ngành này liên quan đến việc loại bỏ những trở ngại đối với thương mại theo hình thức rào cản phi vật thể và phi thuế quan, như hải quan rườm rà, thủ tục kiểm tra, thiếu sự hài hòa của tài liệu thương mại, luật pháp và quy định phân biệt đối xử quốc gia, và các hoạt động giao thông vận tải hiệu quả qua biên giới. Để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, nhất là thương mại xuyên biên giới, các trọng tâm sau sẽ được tiếp tục theo đuổi: (i) Hiện đại hóa hải quan dựa trên các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. (ii) Đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa các tài liệu thương mại dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế và hợp tác giữa các cơ quan. (iii) Cải tiến quản lý biên giới, phối hợp giữa các cơ quan theo các thông lệ và các Hiệp định của Tổ chức quốc tế (WTO, Hải quan quốc tế...). (iv) Cải thiện các thỏa thuận thực thi SPS trong thương mại GMS bằng cách tăng cường năng lực quản lý, phối hợp giữa các cơ quan liên quan. (v) Xây dựng cơ sở dữ liệu tạo thuận lợi thương mại và giao thông theo hành

lang cụ thể nhằm cung cấp các chỉ số để đo lường hiệu quả về thương mại, vận chuyển của các hành lang kinh tế GMS.

- Đối với lĩnh vực đầu tư: Trong các chương trình phát triển của GMS, khu vực tư nhân luôn được coi là đối tác quan trọng. Thực tế, nhiều cấu trúc và các quy trình chính thức đã được thành lập như Hội đồng kinh doanh GMS, Hiệp hội vận tải hàng hóa GMS, tư nhân tham gia vào các Diễn đàn của khu vực như Diễn đàn hành lang kinh tế (ECF), tham gia các sáng kiến chuyên ngành về Hải quan, thương mại và thực hiện các dự án đầu tư tư nhân hoặc hợp tác công tư. GMS coi đầu tư nước ngoài như một phương tiện để hỗ trợ cho sự phát triển của khu vực. Thực tế, các Tập đoàn đa quốc gia đã đầu tư vào nhiều dự án quan trọng của GMS, đặc biệt phát triển các Khu kinh tế (SEZ) theo dọc hành lang kinh tế của khu vực. Dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, song trong Kế hoạch Hành động Hà Nội giai đoạn 2018-2022 vẫn tiếp tục khẳng định vai trò của khu vực tư nhân và cho rằng “vẫn còn dự địa cho sự tham gia sâu hơn của khu vực tư nhân cả trong nước và quốc tế ở các cấp độ”⁽³⁾. Theo đó, tiếp tục khuyến khích tư nhân đầu tư và các chuỗi cung ứng, các ngành, lĩnh vực chủ chốt, các Khu kinh tế, các Hành lang kinh tế và các dự án “xanh” trong nông nghiệp, năng lượng, môi trường... để đạt được khả năng cạnh tranh và thông qua những sáng tạo đổi mới trong cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội. Việt Nam không chỉ là địa chỉ thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó có các nước, địa phương của Tiểu vùng Mekong mà còn là nhà đầu tư vào GMS. Theo số liệu của Cục

Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch đầu tư, tính đến tháng 8/2022, Việt Nam đã đầu tư vào 4 nước GMS khoảng 549 dự án còn hiệu lực với vốn đăng ký 8,53 tỷ USD, chiếm tới 87% tổng vốn đầu tư vào ASEAN⁽⁴⁾.

Dù còn gặp nhiều khó khăn, song GMS vẫn đang là thị trường đầu tư chủ yếu của các doanh nghiệp Việt Nam. Việt Nam thực hiện một số dự án lớn trong khuôn khổ GMS như Dự án đầu tư đường dây điện kết nối Hatxan (Lào) - Pleiku (Việt Nam) trị giá 218 triệu USD, Dự án quản lý và giảm nhẹ rủi ro lũ lụt và hạn hán Tiểu vùng Mekong mở rộng (tổng vốn là 63,9 triệu USD), xây dựng xa lộ thông tin kết nối 6 tiểu vùng...

2. Chủ động tham gia các phương hướng, sáng kiến thiết thực, cụ thể để thúc đẩy phát triển quan hệ trong GMS và với bên ngoài

Từ khi GMS được thành lập, Việt Nam luôn là thành viên tích cực đối với việc phát triển của tiểu vùng. Nhằm thực hiện các mục tiêu kế hoạch của GMS, Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức như: tổ chức hội nghị, hội thảo, xây dựng các văn bản, hỗ trợ tài chính... và tham gia, đề xuất các sáng kiến mang tính chất xây dựng và có tính trách nhiệm cao. Có thể nêu lên một số sáng kiến có giá trị mà Việt Nam tham gia trong khuôn khổ hợp tác GMS. Đó là:

- Tại Ủy hội Mekong, Việt Nam tích cực cùng các nước hoàn thành các thủ tục quy định về chia sẻ các số liệu, giám sát sử dụng nguồn nước và duy trì dòng chảy trên dòng sông chính sông Mekong. Đặc biệt, Việt Nam đã “chủ động tham gia giải quyết

các vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề sử dụng nguồn nước bền vững”⁽⁵⁾.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc sử dụng bền vững tài nguyên lưu vực sông Mekong, Việt Nam luôn tích cực thực hiện Hiệp định Mekong 1995, thúc đẩy các hoạt động hợp tác về môi trường và quản lý nguồn nước trong các khuôn khổ hợp tác Mekong. Tại Ủy hội sông Mekong quốc tế (MRC), Việt Nam đã tích cực cùng với các nước thành viên đàm phán và hoàn thành các quy định và thủ tục về chia sẻ số liệu, giám sát sử dụng nước hiện tại, thông báo và trao đổi ý kiến trước về sử dụng nước, duy trì dòng chảy trên dòng chính sông Mekong để cụ thể hóa Hiệp định Mekong và ràng buộc trách nhiệm của các nước thành viên trong việc bảo vệ nguồn nước sông Mekong. Trong hợp tác ACMECS, Việt Nam là nước đầu tiên đưa ra ý tưởng về việc thành lập nhóm công tác về môi trường, soạn thảo Kế hoạch hành động và đồng chủ trì nhóm công tác. Việt Nam cũng đóng vai trò chủ trì hợp tác về môi trường trong hợp tác Hạ nguồn Mekong - Mỹ; tham gia tích cực vào sáng kiến “Một thập kỷ Mekong xanh” trong hợp tác Mekong - Nhật Bản. Trong GMS, Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng Khuôn khổ chiến lược bảo vệ môi trường GMS; xây dựng hệ thống thông tin và giám sát môi trường; giảm đói nghèo và quản lý môi trường ở các vùng sâu, vùng xa, rừng đầu nguồn; quản lý và bảo vệ đất ngập mặn của hạ lưu sông Mekong và tăng cường thể chế và đào tạo về bảo vệ môi trường. Một số sáng kiến ưu tiên của tiểu vùng mà Việt Nam tham gia gồm: Hiệp định tạo thuận lợi giao thông qua biên giới (CBTA) các

nước GMS; Nghiên cứu chiến lược ngành giao thông tiểu vùng; Xây dựng Khung chiến lược thúc đẩy thương mại và đầu tư; Diễn đàn Kinh doanh GMS; Nghiên cứu và Kế hoạch tổng thể khu vực về liên kết điện năng trong GMS; Hiệp định giữa các quốc gia về thương mại điện năng khu vực, Hiệp định thương mại Điện năng khu vực; Xây dựng Chiến lược Năng lượng tiểu vùng Mekong; Phòng chống HIV/AIDS cho dân di cư tự do, Giáo dục Phòng chống HIV/AIDS tại các khu vực vùng biên và Kiểm soát bệnh truyền nhiễm khu vực GMS; Nghiên cứu về Xóa bỏ Ma túy trong GMS; Chương trình xây dựng năng lực cho các cán bộ GMS theo Kế hoạch Phnom Penh về Quản lý Phát triển; Khung chiến lược môi trường và chương trình môi trường trọng điểm, bao gồm sáng kiến hành lang bảo tồn đa dạng sinh học; Xóa đói giảm nghèo và quản lý môi trường tại các lưu vực vùng sâu vùng xa; Mở rộng hợp tác Tiểu vùng về nông nghiệp; Hỗ trợ xúc tiến thương mại và xây dựng năng lực trong GMS và nghiên cứu việc xây dựng và triển khai các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới (CBEZ). Đặc biệt, Việt Nam luôn có nhiều sáng kiến và đóng vai trò chủ yếu trong cơ chế hợp tác Việt Nam – Lào – Campuchia, chủ trì thực hiện rà soát lại Quy hoạch Tam giác phát triển (CLV). Việt Nam không chỉ là bạn hàng mà còn là đầu tư vào nhóm hàng đầu ở Campuchia, Lào, với phương châm “vốn, kỹ thuật và thị trường của Việt Nam, lao động và tiềm năng đất đai của Campuchia và Lào”.

- Việt Nam đã tham gia và tổ chức thành công các Hội nghị, hội thảo: Hội nghị cấp cao Mekong - Nhật Bản lần thứ

2, 3; Hội nghị Bộ trưởng Mekong - Mỹ lần thứ 2. Việt Nam đã có nhiều sáng kiến, đề xuất có tính định hướng và giá trị thực tiễn cao trong các Hội nghị thượng đỉnh Tiểu vùng Mekong, như: tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 5 (tháng 12/2014) tại Bangkok, Việt Nam đã đề xuất 4 định hướng cho hợp tác GMS trong thời gian tới, đó là: Cần đảm bảo sự cân bằng giữa ba yếu tố: kinh tế - con người - môi trường trong hợp tác GMS; Cần chân thành và thực tâm hợp tác giữa các nước thành viên để tạo dựng tinh thần cộng đồng GMS; Tiến tới hình thành cơ chế hợp tác mở để tranh thủ thế mạnh của các đối tác phát triển và huy động thêm nguồn lực cho các dự án GMS; Khuyến khích, kêu gọi sự đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp, thế hệ trẻ tham gia tích cực vào hợp tác GMS. Bên cạnh đó, là nước chủ nhà tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 tại Hà Nội (ngày 21/3/2018), Việt Nam đã đề xuất 5 hướng hợp tác lớn của GMS trong thời gian tới⁽⁶⁾. Tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 7, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động về an ninh, chính trị xã hội và nhất là đại dịch Covid-19, Việt Nam đã đề xuất nhiều định hướng và sáng kiến rất thiết thực, đó là: (i) Cần tiếp tục hỗ trợ tiếp cận vaccine và được phẩm điều trị Covid-19 cởi mở, bình đẳng và minh bạch, tăng cường chia sẻ vaccine qua các cơ chế đa phương và song phương... (ii) Cần đảm bảo chuỗi cung ứng khu vực không bị đứt gãy trong bối cảnh dịch bệnh. Các nước cần hạn chế áp dụng các rào cản thương mại, tạo thuận lợi vận chuyển người và hàng hóa qua biên giới như đã cam kết trong GMS. (iii) Cần tạo sự đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu

hạ tầng chiến lược, đồng bộ, đặc biệt là giao thông và năng lượng để nâng cao tính liên kết và sức cạnh tranh các nền kinh tế. (iv) Cần đẩy mạnh chuyển đổi số nền kinh tế nhằm góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng, phục hồi kinh tế và thu hẹp khoảng cách. (v) Xây dựng một GMS xanh, an toàn và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Theo đó, GMS cần trở thành hình mẫu hợp tác khu vực về tăng trưởng xanh, an toàn, bền vững, bao trùm, cùng nhau định hình khung hợp tác với một lộ trình hợp tác toàn diện và các biện pháp triển khai sáng tạo, cụ thể, linh hoạt. (vi) Cần tăng cường phối hợp giữa GMS với ASEAN và các cơ chế khu vực khác, các Hiệp định thương mại tự do khu vực như RCEP và các Hiệp định giữa ASEAN với đối tác.

Với hơn 30 năm đồng hành cùng GMS, Việt Nam không chỉ là thành viên tích cực mà còn luôn đề cao trách nhiệm của mình trong các cơ chế hợp tác của khu vực. Hầu như ở tất cả các Hội nghị thượng đỉnh cấp cao của GMS, phía Việt Nam luôn đưa ra các định hướng, các sáng kiến thiết thực xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn và lợi ích chung của các quốc gia thành viên. Điều đó không chỉ góp phần vào sự thành công của các Hội nghị thượng đỉnh, các Hội nghị các cấp mà còn khẳng định vị thế, vai trò của Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, hoà bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực.

3. Kịp thời, linh hoạt điều chỉnh chiến lược hợp tác của Việt Nam và khéo léo xử lý hài hòa các mâu thuẫn nội bộ của GMS và với bên ngoài

Sự tham gia tích cực, chủ động của Việt Nam đã góp phần quan trọng củng cố

quan hệ hợp tác hữu nghị và láng giềng thân thiện với các nước trong tiểu vùng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự phát triển của đất nước, từng bước nâng cao vai trò, vị thế và phát huy những lợi thế của Việt Nam trong tiểu vùng Mekong. Để thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác trong GMS, Việt Nam không chỉ thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình mà còn kịp thời điều chỉnh chiến lược cũng như nội dung hợp tác, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Là một quốc gia có quy mô kinh tế đang tăng nhanh và có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định thời gian qua, Việt Nam cũng đã chống chịu và vượt qua được các cú sốc và tác động từ bên ngoài. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải có sự điều chỉnh kịp thời về chiến lược, phương thức hợp tác và giải pháp cụ thể với các nước GMS và các đối tác quan trọng khác. Thời gian qua, ngoài việc kịp thời đưa ra các đề xuất mở rộng các lĩnh vực hợp tác trong GMS, Việt Nam đã kịp thời điều chỉnh các chủ trương và cách thức hợp tác với các nước trong khu vực, nhất là về quan hệ kinh tế. Điều này thể hiện ở 5 sự điều chỉnh có tính chất cơ bản, kịp thời và mang lại hiệu quả cao. Đó là: (i) điều chỉnh từ quan hệ thương mại sang mở rộng đầu tư ở các lĩnh vực Việt Nam có nhiều lợi thế (nông lâm ngư nghiệp, khai thác, xây dựng, bất động sản...); (ii) đẩy mạnh các hoạt động đầu tư gắn với hỗ trợ phát triển, đảm bảo an sinh xã hội, môi trường và phát triển bền vững; (iii) điều chỉnh quan hệ hợp tác trong xây dựng và phát triển gắn với hạ tầng (cứng và mềm), phát triển nguồn nhân lực; (iv) điều chỉnh phạm vi hợp tác

(mở rộng sang lĩnh vực phát triển du lịch, khai thác tiềm năng về di sản, gắn liền với viện trợ); (v) thúc đẩy sự kết nối, liên kết nội bộ Tiểu vùng GMS và với bên ngoài để tăng cường sức mạnh của vùng và tham gia tích cực vào các thể chế hợp tác song phương, đa phương.

Nhờ sự điều chỉnh linh hoạt, Việt Nam đã xác định rõ hơn các hướng, nội dung và cách thức hợp tác với các đối tác nội vùng GMS và với bên ngoài. Điều này không chỉ giúp Việt Nam đạt hiệu quả cao hơn trong việc thực hiện các cam kết mà còn chủ động khai thác các lợi thế trong việc thực hiện các dự án, sử dụng hợp lý các nguồn lực huy động và đảm bảo hài hòa lợi ích của nước ta với các nước tham gia phát triển GMS. Điều đó đã giúp Việt Nam khắc phục khó khăn, rủi ro trong quá trình hợp tác với GMS, nhất là trong điều kiện quốc tế và khu vực có nhiều biến động.

Để đạt được những thành tựu của GMS, hơn 30 năm qua, Việt Nam cũng như các thành viên đã nỗ lực khắc phục những bất đồng, mâu thuẫn nội bộ trong nhiều lĩnh vực hợp tác. Việc xử lý khéo léo các mối quan hệ phức tạp của vùng cũng như với bên ngoài cũng là kinh nghiệm quý của Việt Nam. Điều đó có thể nhận thấy ở một số nội dung và lĩnh vực hợp tác. Đó là:

- Vấn đề hợp tác an ninh nguồn nước đã và đang đặt ra nhiều thách thức lớn đối với cả vùng và các nước thành viên.

Là một quốc gia cuối nguồn, Việt Nam đứng trước nhiều nguy cơ phải gánh chịu các tác động từ các chương trình dự án phát triển trên dòng sông chính phía thượng nguồn trong điều kiện biến đổi khí hậu đang gây ra nhiều hiểm họa khó

lượng. Vì thế, Việt Nam đã chuẩn bị các giải pháp ứng phó và hạn chế các nguy cơ bởi các tác động khách quan và chủ quan trong hợp tác giải quyết nguồn nước và quản lý nguồn nước. Việt Nam đã nhận thức rõ về sự cần thiết phải có tầm nhìn chiến lược dài hạn trong vấn đề này và tăng cường hợp tác quốc tế, trước hết trong GMS, để hướng tới sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn nước và các tài nguyên khác trên lưu vực Mekong, đảm bảo các bên cùng có lợi vì sự phát triển thịnh vượng và bền vững của cả vùng. Chính vì thế, sự ra đời của Nghị quyết 120 NQ-CP ngày 17/1/2017 về “Khả năng thích ứng khí hậu và phát triển bền vững của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long” đã định hướng cho các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn nước và đây cũng là “chính sách ngoại giao sông Mekong”⁽⁷⁾ của Việt Nam và đã được triển khai mạnh mẽ trong việc thực hiện hợp tác quốc tế về nguồn nước ở khu vực. Với cách tiếp cận hài hòa và linh hoạt trên, Việt Nam đã đóng góp tích cực vào việc xử lý các vấn đề phức tạp về quản lý, khai thác nguồn nước không chỉ vì lợi ích quốc gia mà còn coi trọng sự phát triển bền vững lâu dài của khu vực.

- Góp phần thúc đẩy sự hợp tác giữa GMS với các nước lớn trong bối cảnh cạnh tranh đang diễn ra hết sức quyết liệt trong khu vực.

Những thành tựu đạt được của GMS có vai trò quan trọng của các đối tác⁽⁸⁾. Đó cũng là quá trình cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản...). Vì thế, làm thế nào để “cân bằng” các mối quan hệ giữa các đối tác quả là không dễ dàng. Ngoài hoạt động ngoại

giao song phương và tích cực triển khai các sáng kiến liên kết kinh tế trong hợp tác GMS, Việt Nam đã phát huy vai trò “cầu nối”, là “cầu nối” góp phần đảm bảo sự ổn định trong quan hệ giữa các nước lớn đối với vùng này.

4. Vận dụng các kinh nghiệm trong thúc đẩy sự hợp tác của Việt Nam với GMS trong bối cảnh mới

Tình hình thế giới khu vực với diễn biến hết sức phức tạp, khó đoán định, sẽ tác động rất lớn tới sự phát triển của GMS hiện nay và trong thời gian tới. Đó là: Cuộc cạnh tranh quyết liệt để thiết lập trật tự thế giới mới chuyển từ một cực sang đa cực; Kinh tế quốc tế và khu vực tiếp tục khó khăn với sự suy giảm tăng trưởng và khả năng phục hồi chậm; Tiềm ẩn sự bất ổn của GMS khi các nước thành viên đang đối mặt với khó khăn kinh tế (Lào), bất ổn chính trị (Myanmar) và tiềm ẩn nhiều rủi ro (chính trị Thái Lan, Campuchia). Những thách thức và khó khăn trên đòi hỏi các nước GMS, trong đó có Việt Nam, cần nỗ lực mạnh mẽ hơn để thực hiện thành công các chiến lược và kế hoạch hợp tác trong vùng. Vì thế, việc vận dụng kinh nghiệm trong quá trình tham gia GMS của nước ta càng cần thiết hơn bao giờ hết. Theo đó:

- Tiếp tục tham gia tích cực, hiệu quả, có trách nhiệm trong các hoạt động, lĩnh vực và các Hiệp định hợp tác của GMS. Những kinh nghiệm hợp tác thời gian qua của Việt Nam là bài học quý để chúng ta tiếp tục phát huy trong thời gian tới. Tuy nhiên, đây là giai đoạn kiến tạo của GMS, vì thế Việt Nam cần thiết phải chủ động sáng tạo hơn để thúc đẩy sự kết nối, liên

kết nội vùng và với bên ngoài (nhất là với ASEAN và các đối tác lớn) nhằm tiếp tục tạo lập bản sắc Mekong vì sự phát triển bền vững.

- Để có thể chủ động hơn trong hợp tác với GMS, cần rà soát lại cách thức tổ chức ở các cấp, các lĩnh vực của Việt Nam, cần có sự phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các bên tham gia và huy động nguồn lực, nhất là của khu vực tư nhân, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh đầu tư vào GMS. Cần thiết phải thực hiện tốt công tác nghiên cứu, khảo sát và dự báo (ngắn hạn và dài hạn) về thị trường, đối tác... nhằm cung cấp các luận cứ cần thiết để xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án phù hợp và hiệu quả, tránh những rủi ro và thiếu tính khả thi.

Kết luận

Những thành tựu hợp tác của GMS thời gian qua là sự đóng góp của các thành viên, các đối tác. Nhờ đó đã khơi dậy, khai thác được tiềm năng và lợi thế của một vùng đất vốn nghèo nàn, lạc hậu, bất ổn... để trở thành một khu vực có sự phát triển vượt bậc. Quá trình tham gia GMS của Việt Nam không chỉ đem lại nhiều kết quả tốt đẹp trên các lĩnh vực hợp tác mà còn giúp chúng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm quý để tiếp tục vận dụng và phát huy trong giai đoạn tới. Rõ ràng, dù có nhiều thuận lợi, song hợp tác GMS sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cần phải có sự đồng hành chung sức của nhà nước, doanh nghiệp, người dân... vì lợi ích của các bên và sự phát triển bền vững của GMS và của Việt Nam./.

CHÚ THÍCH

1. Ủy hội Mekong (MRC) thành lập năm 1995, là tổ chức kế thừa Ủy ban Mekong (1957-1975) và Ủy ban lâm thời Mekong (1978-1991), Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia (1999), Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawadi - Chao Phraya - Mekong (ACMECS) năm 2003, Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Myanmar và Việt Nam (2004), Hợp tác Mekong- Ấn Độ (2000), Hợp tác Mekong - Nhật Bản (2007), Hợp tác Mê-kông-Mỹ (2009), Hợp tác Mekong - Hàn Quốc (2011), Hợp tác Mekong - Lan Thương (MLC) năm 2015 và các cơ chế với các đối tác bên ngoài khác.
2. Bộ kế hoạch và đầu tư (2018), Khung đầu tư Khu vực GMS đến năm 2022 được xây dựng với danh sách 227 dự án và có tổng kinh phí là 66 tỷ USD <https://www.mpi.gov.vn/pages/tinbai.aspx?idTin=39388&idcm=188>, truy cập ngày 1/12/2021.
3. ADB (2018), Kế hoạch hành động Hà Nội giai đoạn 2018 - 2022.
4. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch đầu tư.
5. Lê Hải Bình (2018), “Các cơ chế hợp tác ở khu vực Mekong và sự tham gia của Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, 13/6/2018.
6. Đó là: 1. Phát triển hạ tầng cơ sở, đẩy mạnh kết nối trong và ngoài khu vực với “chất lượng, xanh, thông minh”, 2. Thúc đẩy “kết nối tương hỗ” về thương mại-đầu tư. 3. Hỗ trợ các nước thành viên thúc đẩy sản xuất-chế biến-phân phối sản phẩm công nghiệp hữu cơ, nông sản sạch, kết nối doanh nghiệp và nông dân. 5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo mới, đào tạo lại nguồn nhân lực.
7. Theo đó, sẽ có 3 hướng hoạt động chính: 1. Điều phối sự hợp tác song phương, đa phương với các nước thượng nguồn sông Mekong cũng như các lưu vực vfa đồng bằng lớn trên thế giới. 2. thúc đẩy sự tham gia tích cực của các nước lưu vực sông Mekong vào các cơ chế hợp tác giữa các nước thuộc lưu vực sông Mekong và các đối tác phát triển và 3. Phát triển quan hệ hợp tác chiến lược với các quốc gia và các đối tác để huy động nguồn lực và giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu.
8. Các đối tác đã đóng góp cho GMS khoảng 21 tỷ USD, trong đó. Nhật Bản đã hỗ trợ khoảng 13 tỷ USD giai đoạn 2009 – 2015, và đã giải ngân khoảng 2/3 khoản cam kết viện trợ khoảng 6,5 tỷ USD cho giai đoạn 2016 – 2018. Mỹ đã tài trợ 50 triệu USD cho Sáng kiến Hạ nguồn

Mekong giai đoạn 2013 – 2015 và cam kết tài trợ 2,5 triệu USD để khởi động Chương trình Đối tác cơ sở hạ tầng bền vững (SIP) giai đoạn 2016-2018. Ấn Độ đóng góp thường niên 1 triệu USD vào Quỹ Dự án hiệu quả nhanh cho các nước CLMV và tiếp tục dành học bổng cho các nước Mekong. Hàn Quốc cam kết đóng góp mỗi năm 1 triệu USD cho Quỹ hợp tác Mekong - Hàn Quốc và dự kiến sẽ tăng lên 2 triệu USD trong thời gian tới. Vừa qua, Trung Quốc có kế hoạch sẽ đầu tư khoảng 10 tỷ USD cho tiểu vùng, nhất là các dự án kết nối giao thông tuyến Bắc – Nam. và cũng cam kết đóng góp 300 triệu USD cho Quỹ đặc biệt hợp tác Mekong – Lan Thương cùng nhiều khoản vay ưu đãi và tín dụng khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn kiện Hội nghị thượng đỉnh GMS lần 1-7.
2. Trang Web của ADB: <https://www.adb.org>
3. Nguyễn Duy Dũng (2018, Chủ biên), Điều chỉnh quan hệ hợp tác kinh tế của Việt Nam với các nước GMS là thành viên của ASEAN trong bối cảnh mới, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội 2018.
4. Nguyễn Duy Dũng (2022, Chủ biên), Kết nối cứng và kết nối mềm của Hàn Quốc đối với Tiểu vùng sông Mêkông và vai trò của Việt Nam, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội năm 2022.
5. Phạm Sỹ Thành (2019), Sáng kiến vành đai-con đường (BRI): Lựa chọn nào của Đông Nam Á, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội năm 2019.
6. Greater Mekong (2021), About the Greater Mekong Subregion, <https://greatermekong.org/about>, truy cập 18/3/2023.
7. Vũ Đức Liêm, Ninh Xuân Thao (2022), Việt Nam trong tiểu vùng Mê Công cho một dòng sông phát triển bền vững, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2022.
8. Nguyễn Mạnh Hùng (2022), “Việt Nam - Lào - Campuchia và hợp tác Tiểu vùng Mê-kông mở rộng trong bối cảnh mới”, Hội thảo: Vai trò của ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia với hợp tác Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng trong bối cảnh mới, Đà Nẵng 7/2012.
9. James Lynch (2015), Regional Cooperation and Integration in Asia, The Case of the Greater Mekong Subregion Fostering Economic Cooperation through Connectivity, ADB, Singapore, August 26, 2015.